

## KẾ HOẠCH

### Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh huyện Lâm Bình năm 2018

Căn cứ Kế hoạch hành động số 18/KH-UBND ngày 28/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020,

Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình xây dựng Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh huyện Lâm Bình năm 2018, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Khắc phục những tồn tại, hạn chế của năm 2017, nâng cao chất lượng hiệu quả, hỗ trợ phục vụ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn huyện; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, mức độ hài lòng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan hành chính, Ủy ban nhân dân xã.

##### 2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã; sự quản lý, điều hành quyết liệt, hiệu quả của Ủy ban nhân dân huyện, sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị và tăng cường sự giám sát của nhân dân.

Quán triệt sâu sắc, đầy đủ nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tới các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân. Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp; phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp, ngành, đơn vị gắn với kiểm tra, đánh giá, định kỳ đề xuất việc triển khai thực hiện.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh, sản xuất thông thoáng, minh bạch và phù hợp, khai thác được lợi thế của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư kinh doanh, sản xuất; lấy mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân làm thước đo cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của huyện. Đồng thời, là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, trong đó gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị liên quan.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao tám chỉ số thành phần trong bộ chỉ số DCI gồm:
  - + Chỉ số Minh bạch thông tin phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Thái độ khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Chi phí thời gian giải quyết thủ tục hành chính phần đầu đạt từ 16,2 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Tính năng động phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Chi phí không chính thức phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Thiết chế pháp lý phần đầu đạt từ 16 điểm trở lên.
  - + Chỉ số Tiếp cận đất đai phần đầu đạt từ 17 điểm trở lên.
- Phần đầu đến hết năm 2018, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DCI) từ 66,98/100 điểm (năm 2017) lên trên 80/100 điểm vị trí xếp hạng DCI của huyện nằm trong nhóm các địa phương xếp thứ hạng “Tốt”; 100% thủ tục hành chính phù hợp được đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; nâng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80%; 100% cơ quan hành chính cấp huyện thực hiện quản lý văn bản trên môi trường mạng, đồng thời triển khai áp dụng đến cấp xã.
- Rút ngắn thời gian nộp thuế dưới 119 giờ/năm; 100% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 95% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.
- Rút ngắn thời gian giao dịch bảo hiểm xã hội xuống dưới 49 giờ; trên 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; trên 90% (chi trả lương hưu, trợ cấp 1 lần, thu chi bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội) thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.
- Rút ngắn thời gian cấp giấy đăng ký kinh doanh cho hộ gia đình và hợp tác xã (hộ kinh doanh tối đa 02 ngày, hợp tác xã tối đa 04 ngày).

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

#### 1. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã theo chức năng nhiệm vụ được giao tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 26-KH/HU ngày 30/11/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVI) về *lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016-2020*, Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 17/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện về *cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020*; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về *tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020*; Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2018 của huyện và các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này; đối với từng chỉ số cụ thể, các đơn vị được giao chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết để triển khai thực hiện nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về môi trường đầu tư, kinh doanh.

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, phải thường xuyên nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư, doanh nghiệp để hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện công tác rà soát các thủ tục hành chính, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ các quy định, các thủ tục không cần thiết liên quan đến hồ sơ của doanh nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, thực hiện cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính tối thiểu 30%. Tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên quan đến thực hiện các thủ tục hành chính công một cách khoa học và bố trí cán bộ có nghiệp vụ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Trang bị máy vi tính và được kết nối mạng Lan và Internet, sử dụng hòm thư điện tử công vụ vào trao đổi công việc, ứng dụng phần mềm trong công tác chuyên môn như: Phần mềm Quản lý ngân sách nhà nước, Tabmis, phần mềm kế toán Misa, phần mềm kê khai thuế, kê khai Bảo hiểm xã hội, phần mềm dự toán Delta, phần mềm dự toán G8,...

#### 2. Phòng Tài chính-Kế hoạch

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này. Tổng hợp, biên tập các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đang áp dụng trên địa bàn huyện; các Quy hoạch, Dự án, Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, của huyện niêm yết, hướng dẫn thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của huyện (mục, doanh nghiệp) gửi vào hòm thư điện tử của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân khác để áp dụng hoàn thành trong tháng 3/2018; hàng quý rà soát, bổ sung cập nhật thông tin đảm bảo đầy đủ, kịp thời.

- Thường xuyên trao đổi, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện. Tham mưu Kế hoạch tổ chức gặp mặt, đối thoại với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện năm 2018 (03 tháng/1 lần); trong đó, tháng 3/2018 tổ chức 01 lần nhằm nắm bắt kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh, đề hỗ trợ tháo gỡ; đồng thời thông tin kịp thời các chính sách, thủ tục hành chính, các quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch... tới các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân trên địa bàn huyện.

- Rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục, gồm: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công, kinh doanh bán lẻ (*hoặc đại lý bán lẻ*) rượu và thuốc lá từ 10 ngày xuống còn 07 ngày; cấp Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ từ 05 ngày xuống còn 03 ngày; Thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật từ 07 ngày xuống còn 05 ngày; thời gian thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định) từ 20 ngày xuống còn 10 ngày; thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định) từ 35 ngày xuống còn 25 ngày; thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định) từ 20 ngày xuống còn 10 ngày; thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định) không quá từ 25 ngày xuống còn 10 ngày.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, chặt chẽ việc chấp hành quy định về nghiệm thu, lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, lập hồ sơ quyết toán hợp đồng và quyết toán dự án hoàn thành theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thực hiện rút ngắn thời gian cấp Giấy đăng ký kinh doanh cho hộ gia đình và hợp tác xã (hộ kinh doanh tối đa 02 ngày, hợp tác xã tối đa 04 ngày).

*(Có biểu chi tiết kèm theo).*

- Phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện triển khai, thực hiện Kế hoạch này, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo.

### **3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

- Nâng cao chất lượng công tác hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định của pháp luật về đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh. Xây dựng kế hoạch kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Lâm Bình, tổng hợp và bắt đầu thực hiện từ tháng 3/2018.

- Định hướng, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi, mở rộng ngành nghề kinh doanh một số lĩnh vực huyện có lợi thế như: Đầu tư phát triển hạ tầng và dịch vụ phục vụ du lịch (*vận tải, ăn uống, lưu trú, vui chơi giải trí, đồ lưu niệm,...*); chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng (*đá xây dựng, gia công cơ khí, khung nhôm, cửa kính, gỗ ván bóc, dăm gỗ, rượu, chè Khau Mút,...*); lĩnh vực nông, lâm nghiệp (*phát triển cây trồng, vật nuôi là đặc sản có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn huyện, các mô hình kinh tế hiệu quả...*).

- Cập nhật, phổ biến kịp thời những chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Tăng cường các hoạt động thương mại, kết nối thị trường, tiêu thụ các

sản phẩm nông sản, thủy sản của huyện. Tư vấn, hướng dẫn và đăng ký các doanh nghiệp tham gia các hội nghị kết nối cung - cầu; tổ chức hội chợ thương mại, triển lãm hàng hóa, phối hợp tổ chức và tham gia các Hội chợ, Hội thảo xúc tiến đầu tư, thương mại để giới thiệu tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của huyện.

- Lập danh mục các dự án, công trình kêu gọi đầu tư, kinh doanh trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt trong tháng 3/2018.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học – công nghệ trong tháng 3/2018. Theo dõi các Chương trình về công nghệ trên địa bàn nhằm chủ động phối hợp tổ chức và hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia. Nâng cao hiệu quả hoạt động mô hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại xã Lăng Can, triển khai nhân rộng ra xã Thổ Bình.

#### **4. Phòng Nội vụ**

- Khẩn trương hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp cải cách hành chính năm 2018 của huyện; phối hợp với Phòng Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã mở đợt cao điểm tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2018; lập phương án khảo sát lấy ý kiến những doanh nghiệp và người dân về giải quyết thủ tục hành chính đối với các cơ quan chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã làm căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên địa bàn huyện, nhất là người đứng đầu.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận một cửa cấp huyện, cơ chế một cửa, một cửa liên thông cấp xã.

- Lập đường dây nóng, tiếp nhận phản ánh của tổ chức, công dân về giải quyết các thủ tục hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện trong tháng 3/2018 (Số điện thoại: 0276511313).

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên tinh thần 5 rõ “rõ người, rõ việc, rõ quy trình, rõ trách nhiệm và rõ hiệu quả”, “một việc-một đầu mối xuyên suốt”, nhằm thay đổi tư duy của cán bộ công chức từ “quản lý hành chính nhà nước” sang “phục vụ nhân dân và doanh nghiệp”; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

#### **5. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Phát triển Quỹ đất**

- Tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư về tiếp cận đất đai, chuyển đổi mục đích giải phóng mặt bằng. Thông tin kịp thời kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tiến hành rà soát quỹ đất để giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đất đối với các trường hợp đã được giới thiệu địa điểm nhưng đã quá hạn chưa tiến hành đầu tư.

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân đầu tư sản xuất kinh doanh.

## **6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, việc tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, sản xuất áp dụng các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn, Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi là đặc sản có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn huyện, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết 10, Nghị quyết 12, Nghị quyết 05, ...

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nhất là về giống cây trồng, vật nuôi và kỹ thuật canh tác; tập trung điều chỉnh quy mô sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hợp tác thu mua sản phẩm và cung ứng vật tư nông nghiệp cho nông dân, giảm bớt các chi phí trung gian, tăng thu nhập cho nông dân.

- Tăng cường quản lý chất lượng giống, vật tư, hàng hóa nông nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư và người tiêu dùng.

## **7. Phòng Văn hóa và Thông tin**

- Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của huyện nhất là trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh hạ tầng và dịch vụ du lịch, các sản phẩm về nông lâm nghiệp, thủy sản trên Trang thông tin điện tử của huyện, các trang Web, trang mạng xã hội, ...

- Chỉ đạo tăng thời lượng, chuyên mục, tin bài phản ánh các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn, góp phần giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp đến công chúng trong và ngoài tỉnh, công bố rộng rãi, cập nhật thông tin về các doanh nghiệp mới đăng ký, mới thành lập, thay đổi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có điều kiện, cơ hội tìm kiếm đối tác kinh doanh.

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật và duy trì thông tin trên Trang thông tin điện tử huyện các nội dung sau:

+ Các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Trung ương, của tỉnh áp dụng trên địa bàn huyện.

+ Các văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh huyện Lâm Bình năm 2018.

+ Các quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020; Quy hoạch xây dựng trung tâm huyện lỵ Lâm Bình; Quy hoạch vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của các xã; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch của huyện, các văn bản về xây dựng Chương trình phát triển đô thị Trung tâm huyện Lâm Bình đạt tiêu chí đô thị loại V và trở thành thị trấn của huyện trước năm 2020,...

+ Các đề án: Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi là đặc sản có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn huyện, Đề án phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn,...

+ Các Kế hoạch: Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và năm 2018; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và năm 2018; Kế hoạch sử dụng đất năm 2018; Kế hoạch phát triển du lịch huyện Lâm Bình,...

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử tại Trang ubndlambinh.vnptioffice.vn đối với các cơ quan chuyên môn thuộc huyện phục vụ công tác quản lý, tiếp nhận và xử lý văn bản nhanh chóng, thuận tiện.

### **8. Phòng Tư pháp**

- Xây dựng kế hoạch đề hỗ trợ, phổ biến, giáo dục pháp luật cho doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi của Nhà nước và của tỉnh.

- Thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, của huyện, xã đã ban hành; kịp thời phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ những văn bản có nội dung mâu thuẫn, không phù hợp.

### **9. Thanh tra huyện**

- Công khai, minh bạch các cuộc thanh tra, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, không thanh tra kiểm tra không đúng theo quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng. Làm tốt công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng hoặc không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, gây những nhiễu, khó khăn trong quá trình giải quyết các công việc, thủ tục hành chính. Tăng cường năng lực thanh tra, phát hiện các hành vi tham nhũng trong đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; giải quyết nhanh và dứt điểm đơn thư kiến nghị, đề nghị, phản ánh liên quan đến tranh chấp đất đai, giải phóng mặt bằng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh.

### **10. Bộ phận một cửa cấp huyện, xã, các cơ quan, đơn vị**

- Tiếp tục niêm yết, công khai minh bạch và hướng dẫn cụ thể, rõ ràng các quy định, quy trình tiếp nhận và giải quyết; phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính để nhân dân và doanh nghiệp phối hợp thực hiện.

- Thực hiện tốt việc hướng dẫn, lập các mẫu giấy tờ, thủ tục đảm bảo dễ hiểu dễ thực; khi tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản tiếp nhận và hướng dẫn, yêu cầu hoàn thiện hồ sơ 1 lần để các cá nhân, tổ chức hoàn thiện, tránh phải làm lại nhiều lần.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện hiệu quả việc cắt giảm từ 30%-50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực, nhất là: Đầu tư, đăng ký kinh doanh, đất đai, thuế, bảo hiểm,...

### **11. Chi cục Thuế huyện**

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, tăng cường đối thoại, hỗ trợ doanh nghiệp. Đảm bảo 100% hồ sơ khiếu nại của người nộp thuế

được giải quyết đúng thời gian quy định của pháp luật. Công khai, minh bạch các quy định của Luật Quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng. Hiện đại hoá công tác quản lý thuế, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin quản lý nội ngành phục vụ doanh nghiệp và người dân, thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về thuế. Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính về thuế dưới 119 giờ/năm cho người nộp thuế.

- Tăng cường áp dụng quản lý thuế theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; công tác quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế,...

- Thường xuyên theo dõi, thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chính sách thuế, quản lý thuế và cải cách thủ tục hành chính phù hợp, trong đó tập trung các nội dung quản lý thuế hiện đại (khai, nộp thuế điện tử...). Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính, khai thuế, nộp thuế điện tử và hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về chính sách, việc thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

- Tích cực phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Kho bạc Nhà nước Lâm Bình, Công an huyện trong công tác quản lý, kê khai, thu nộp thuế đảm bảo kịp thời, đầy đủ.

## **12. Bảo hiểm Xã hội huyện**

- Tăng cường rà soát các thủ tục hành chính do đơn vị thực hiện, thực hiện rút ngắn thời gian giao dịch bảo hiểm xã hội xuống dưới 49 giờ. Nâng cao chất lượng công tác giám định bảo hiểm y tế.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối mạng với Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhằm tạo lập cơ sở dữ liệu toàn tỉnh và trên toàn quốc, tiến tới thực hiện giao dịch điện tử đối với các thủ tục kê khai, thu nộp và giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Thực hiện nghiêm các quy trình, thủ tục thanh tra, kiểm tra bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với doanh nghiệp để thống nhất thực hiện.

**13. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lâm Bình, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lâm Bình:** Tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được bình đẳng và thuận lợi trong việc tiếp cận vốn tín dụng theo cơ chế thị trường. Đơn giản hóa thủ tục, đẩy nhanh thời gian thẩm định hồ sơ cho vay hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh theo cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh.

## **14. Ban Quản lý xây dựng cơ bản huyện:**

- Thực hiện nghiêm các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định về đấu thầu. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, khắc phục dứt điểm tình trạng chuẩn bị đầu tư, thi công và giải ngân, thanh toán, quyết toán chậm.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin và bình đẳng trong các hoạt động đầu tư xây dựng, đấu thầu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các nhà thầu trong quá trình tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính.



- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp, các nhà thầu về quy trình, hồ sơ, thủ tục pháp lý về xây dựng, đấu thầu, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trong quá trình tổ chức thực hiện.

**15. Đội Quản lý thị trường số 7:** Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và chống buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ tích trữ, lũng đoạn thị trường, cạnh tranh không lành mạnh.

**16. Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa huyện Lâm Bình:** Nâng cao vai trò và hỗ trợ hội viên; thông tin kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; đăng ký thông tin nhà thầu và tham gia đấu thầu các công trình trên hệ thống đấu thầu quốc gia; lắng nghe và tập hợp ý kiến, khó khăn, vướng mắc của hội viên để phản ánh với Ủy ban nhân dân huyện, động viên các doanh nghiệp chấp hành pháp luật, thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước, tạo thuận lợi cho các cơ quan Nhà nước hoàn thành nhiệm vụ.

#### **17. Đài Phát thanh-Truyền hình huyện**

- Thông tin kịp thời về các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, của huyện và các giải pháp chỉ đạo điều hành của các cấp có nội dung liên quan đến triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện và Kế hoạch này về những nội dung, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh huyện Lâm Bình năm 2018.

- Tăng cường phát các tin bài, thông tin về các quy hoạch, chương trình, đề án, Kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đến mọi tầng lớp nhân dân.

#### **18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể huyện**

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia hỗ trợ, giúp đỡ, đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đồng thời tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn huyện**

Đề cao vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp; linh hoạt, sáng tạo trong giải quyết công việc; nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động của nhà đầu tư và doanh nghiệp. Trên cơ sở những nội dung chủ yếu trong Kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch thực hiện, hoàn thành xong trước ngày 30/3/2018, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân và tiến độ thực hiện đối với từng chỉ tiêu, chỉ số

được phân công. Đồng thời cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng tháng, quý của đơn vị. Định kỳ hàng tháng, quý tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp).

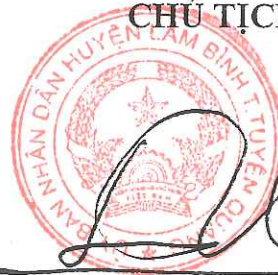
## 2. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, đơn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này; định kỳ hàng tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân huyện giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận: ✓

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đ/c Trần Ngọc Thực-PTC UBND tỉnh, trưởng BCĐ PCI; (báo cáo)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nghiệp trẻ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UB MTTQ và các đoàn thể huyện; (phối hợp)
- Hội Doanh nghiệp huyện Lâm Bình;
- Lãnh đạo VP HĐND&UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dũng

**MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRONG TÂM VỀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)*



Biểu số 01

| STT | Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể  | Kết quả 2017   | Kế hoạch 2018  | Cơ quan chủ trì                                   | Cơ quan phối hợp               |
|-----|--|----------------|----------------|---|--------------------------------|
| I   | <b>Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính</b>  |                |                |   |                                |
| 1   | Cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh   | 3 ngày         | 2 ngày         | Phòng Tài chính - Kế hoạch                        | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 2   | Cấp thay đổi bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh  | 3 ngày         | 2 ngày         | Phòng Tài chính - Kế hoạch                        | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 3   | Thành lập mới Hợp tác xã   | 5 ngày         | 4 ngày         | Phòng Tài chính - Kế hoạch                        | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 4   | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX  | 5 ngày         | 4 ngày         | Phòng Tài chính - Kế hoạch                        | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 5   | Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công; kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu và thuốc lá | Tối đa 10 ngày | Tối đa 07 ngày | Phòng Kinh tế và Hạ tầng                          | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 6   | Cấp Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ  | Tối đa 05 ngày | Tối đa 03 ngày | Phòng Kinh tế và Hạ tầng                          | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 7   | Đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản ngân hàng  | 1 ngày         | 1 ngày         | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi |                                |
| 8   | Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian mua hóa đơn VAT hoặc tự in hóa đơn  | 7 ngày         | 5 ngày         | Chi cục Thuế huyện                                |                                |
| 9   | Đơn giản hóa thủ tục Nộp lệ phí môn bài  | 1 ngày         | 1 ngày         | Chi cục Thuế huyện                                |                                |
| 10  | Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian Đăng ký BHXH, BHYT, BHTN  | 1 ngày         | 1 ngày         | Bảo hiểm xã hội huyện                             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 11  | Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất  | 35 ngày        | 30 ngày        | Phòng Tài nguyên và MT                            | Chi Cục thuế, UBND xã          |
| 12  | Thủ tục đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công   | 4 ngày         | 2 ngày         | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội            | Các cơ quan liên quan, UBND xã |

| STT | Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể  | Kết quả 2017 | Kế hoạch 2018 | Cơ quan chủ trì                        | Cơ quan phối hợp               |
|-----|--|--------------|---------------|--|--------------------------------|
| 13  | Thủ tục hướng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần  | 8 ngày       | 3 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 14  | Hồ sơ thực hiện hưởng trợ cấp thất nghiệp  | 3 ngày       | 1 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 15  | Thủ tục giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần  | 8 ngày       | 3 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 16  | Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sỹ  | 4 ngày       | 2 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 17  | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học   | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 18  | Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học  | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 19  | Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù, đày  | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 20  | Thủ tục giải quyết chế độ người HDKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế  | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 21  | Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng  | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 22  | Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ   | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 23  | Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà Mẹ Việt Nam anh hùng   | 5 ngày       | 3 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 24  | Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 25  | Thủ tục mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân   | 9 ngày       | 5 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 26  | Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ   | 5 ngày       | 3 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |

| STT | Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể  | Kết quả 2017 | Kế hoạch 2018 | Cơ quan chủ trì                        | Cơ quan phối hợp               |
|-----|--|--------------|---------------|--|--------------------------------|
| 27  | Thu tục hỗ trợ, di chuyển hải cốt liệt sĩ  | 3 ngày       | 2 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 28  | Thu tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ   | 3 ngày       | 2 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 29  | Thu tục hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chinh hình; đi điều trị phục hồi chức năng                                 | 9 ngày       | 3 ngày        | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 30  | Thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật   | 7 ngày       | 5 ngày        | Phòng Kinh tế và Hạ tầng               | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 31  | Kiểm tra hồ sơ hoàn thành các công trình theo thẩm quyền trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo quy định                         | 12 ngày      | 7 ngày        | Phòng Kinh tế và Hạ tầng               | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 32  | Thời gian thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định):<br>+ Đối với dự án nhóm C. | 25 ngày      | 10 ngày       | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 33  | Thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định):<br>+ Đối với dự án nhóm C.                                | 35 ngày      | 25 ngày       | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 34  | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định):<br>+ Đối với dự án nhóm C.                       | 20 ngày      | 10 ngày       | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 35  | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định):<br>+ Đối với dự án nhóm C.                        | 25 ngày      | 10 ngày       | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| II  | Tạo môi trường thuận lợi cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh  |              |               | Phòng Tài chính - Kế hoạch             | Các cơ quan liên quan, UBND xã |

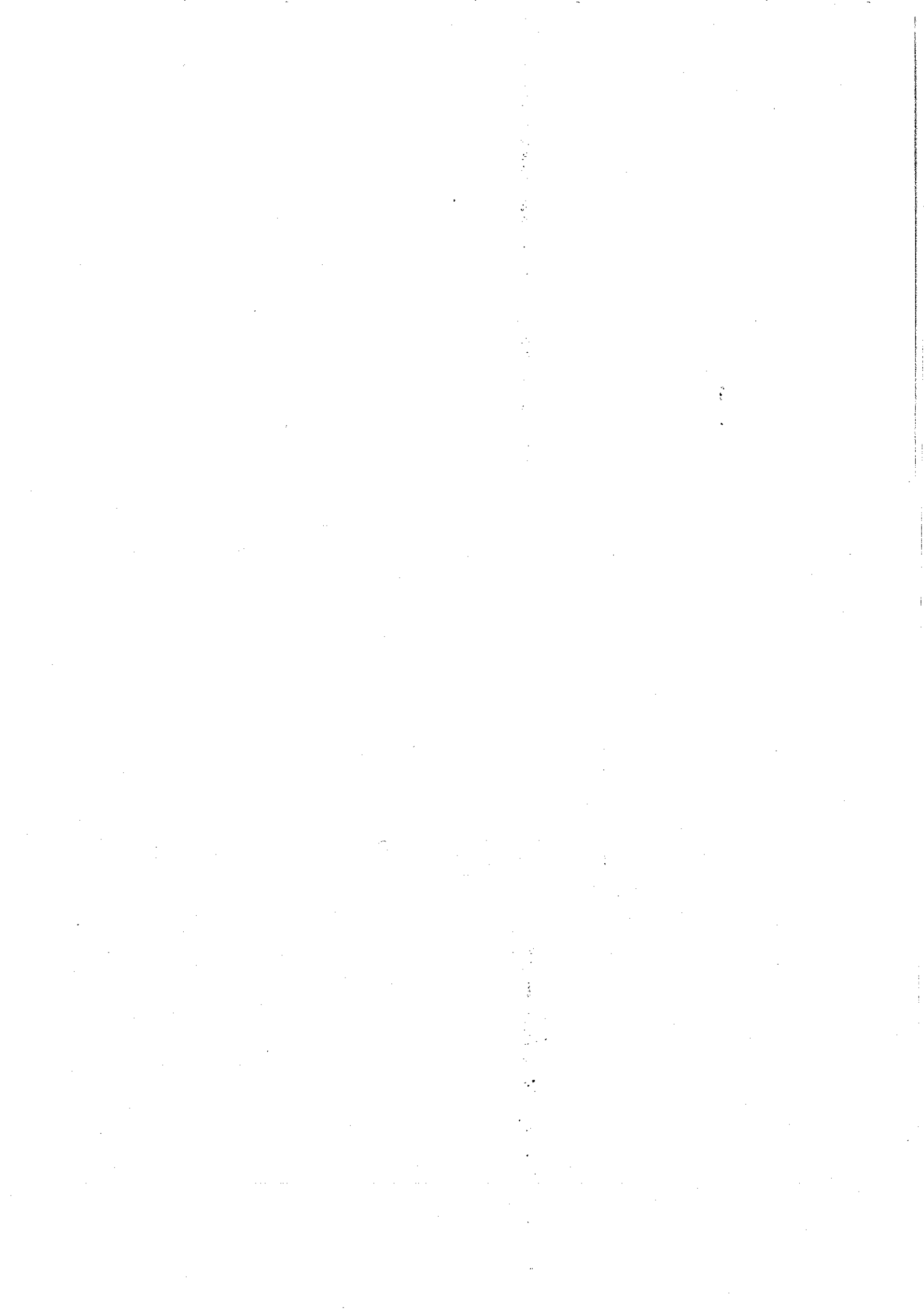
| STT | Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể   | Kết quả 2017 | Kế hoạch 2018 | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp               |
|-----|---|--------------|---------------|---------------------------|--------------------------------|
| 1   | Rà soát, bổ sung, xây dựng và công khai các quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.   |              |               | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 2   | Hỗ trợ cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp trong việc đăng ký thương hiệu để tạo nên những sản phẩm cạnh tranh, có chất lượng cao.   |              |               | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 3   | Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, tổ chức cho các cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp có nhiều cơ hội quảng bá, giao thương sản phẩm tại các hội chợ trong và ngoài tỉnh |              |               | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 4   | Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính  | 70%          | 80%           | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan liên quan, UBND xã |
| 5   | Nâng cao chất lượng hoạt động Bộ phận một cửa cấp huyện   | 100%         | 100%          | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan liên quan          |
| 6   | Thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông cấp xã   | 100%         | 100%          |                           |                                |
| 7   | Thực hiện quản lý văn bản trên môi trường mạng đối với các cơ quan hành chính cấp huyện   | 100%         | 100%          | Phòng Văn hóa - Thông tin | Các cơ quan, đơn vị, UBND xã   |
| 8   | Thực hiện quản lý văn bản trên môi trường mạng đối với các cơ quan hành chính cấp xã  |              |               | Phòng Văn hóa - Thông tin | Các cơ quan, đơn vị, UBND xã   |
| 9   | Tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và cấp sổ Bảo hiểm xã hội, thẻ Bảo hiểm y tế   | 86%          | 92%           | Bảo hiểm xã hội huyện     | Các cơ quan, đơn vị, UBND xã   |
| 10  | Hướng dẫn, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục kê khai nộp thuế  | 95%          | 95%           | Chi cục Thuế huyện        |                                |

## BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH

NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH (DCI) HUYỆN LÂM BÌNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 36 /KH-UBND ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

| STT | Nội dung  | Điểm chỉ số thành phần DCI (Thang điểm 20) |   |  |                   |                             |   |                      |                     | DCI năm 2017 (Thang điểm 100) | Xếp hạng DCI năm 2017 |
|-----|---|--|---|--|-------------------|-----------------------------|---|----------------------|---------------------|-------------------------------|-----------------------|
|     |   | 1. Minh bạch thông tin                     | 2. Thái độ khi giải quyết công việc, TTHC | 3. Chi phí thời gian khi giải quyết TTHC | 4. Tính năng động | 5. Chi phí không chính thức | 6. Hỗ trợ DN, HTX, HKD trong hoạt động SXKD | 7. Thiết chế pháp lý | 8. Tiếp cận đất đai |                               |                       |
| 1   | Điểm chỉ số thành phần DCI năm 2017               | 15,29                                      | 13,87                                     | 15,88                                    | 14,02             | 14,67                       | 9,04  | 12,07                | 12,33               | 66,98                         | TRUNG BÌNH KHÁ        |
| 2   | Phần đầu tăng điểm chỉ số thành phần DCI năm 2018 | 0,71                                       | 2,13                                      | 0,32                                     | 1,98              | 1,33                        | 6,96  | 3,93                 | 4,67                | 13,77                         |                       |
| 3   | Kế hoạch điểm chỉ số thành phần DCI năm 2018      | 16,00                                      | 16,00                                     | 16,20                                    | 16,00             | 16,00                       | 16,00                                       | 16,00                | 17,00               | 80,75                         | TỐT                   |





**MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,  
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH HUYỆN LÂM BÌNH NĂM 2018**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 36/KH-UBND ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)*



| Nội dung công việc   | Đơn vị chủ trì thực hiện         | Đơn vị phối hợp thực hiện                  | Thời gian hoàn thành | Ghi chú          |
|--|----------------------------------|--|----------------------|------------------|
| Triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (DCCI) huyện Lâm Bình năm 2018             | Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Trước 30/3/2018      | Hàng quý bổ sung |
| Tổng hợp, biên tập một số cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh đang áp dụng trên địa bàn huyện  | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Hàng quý             |                  |
| Công khai minh bạch, cập nhật hướng dẫn rõ ràng 100% các chính sách, thủ tục hành chính, các quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch                  | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |                  |
| Xây dựng Kế hoạch gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp trên địa bàn huyện năm 2018   | Văn phòng HĐND&UBND huyện        | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |                  |
| Tổ chức hội nghị đối thoại về cai cách hành chính, cai thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (DCCI) huyện Lâm Bình năm 2018 | Văn phòng HĐND&UBND huyện        | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Hàng quý             |                  |
| Tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp  | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |                  |
| Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp, đề xuất các giải pháp tháo gỡ.  | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |                  |
| Thực hiện rút ngắn thời gian thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định kế hoạch đầu thầu, thẩm tra quyết toán các công trình, dự án                       | Phòng Tài chính - Kế hoạch       | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |                  |
| Rút ngắn thời gian cấp giấy đăng ký kinh doanh cho hộ gia đình và hợp tác xã (Hộ kinh doanh tối đa 02 ngày, Hợp Tác xã tối đa 04 ngày)                 | Phòng Kinh tế và Hạ tầng         | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |                  |
| Xây dựng Kế hoạch kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Lâm Bình   | Phòng Kinh tế và Hạ tầng         | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |                  |

| S<br>TT | Nội dung công việc  | Đơn vị chủ trì thực hiện  | Đơn vị phối hợp thực hiện                  | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|---------|---|---------------------------|--|----------------------|---------|
| 11      | Tư vấn, hướng dẫn và đăng ký các doanh nghiệp tham gia các hội nghị kết nối cung - cầu; tổ chức hội chợ thương mại, triển lãm hàng hóa, phối hợp tổ chức và tham gia các Hội chợ, Hội thảo xúc tiến đầu tư, thương mại để giới thiệu tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế của huyện. | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 12      | Lập danh mục các dự án, công trình kêu gọi đầu tư 2018  | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 13      | Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình khoa học – công nghệ   | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 14      | Rút ngắn thời gian cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công, kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu và thuốc lá, Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, Thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật   | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 15      | Triển khai mô hình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 xã Thổ Bình  | Phòng Kinh tế và Hạ tầng  | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 4/2018         |         |
| 16      | Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn huyện năm 2018   | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 17      | Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018  | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 18      | Xây dựng Kế hoạch tổ chức tập huấn về cải cách hành chính cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện   | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 19      | Xây dựng Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng tiếp công dân  | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 4/2018         |         |
| 20      | Tổ chức hội nghị tập huấn về công tác cải cách hành chính năm 2018  | Văn phòng HĐND&UBND huyện | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 21      | Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính  | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 22      | Lập đường dây nóng, tiếp nhận phản ánh của tổ chức, công dân về giải quyết các thủ tục hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện  | Phòng Nội vụ              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |

| STT | Nội dung công việc   | Đơn vị chủ trì thực hiện                  | Đơn vị phối hợp thực hiện                  | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----|--|---|--|----------------------|---------|
| 13  | Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức  | Phòng Nội vụ                              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 14  | Tiến hành rà soát quỹ đất để giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư  | Phòng Tài nguyên và Môi trường            | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 4/2018         |         |
| 15  | Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đăng ký đất đai, tiến độ giải phóng mặt bằng các công trình, dự án  | Phòng Tài nguyên và Môi trường            | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 16  | Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát triển cây trồng, vật nuôi là đặc sản có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn huyện năm 2018  | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 17  | Thẩm định tình phê duyệt hỗ trợ theo Nghị quyết 10, Nghị quyết 12, Nghị quyết 05 của HĐND tỉnh   | Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 4/2018         |         |
| 18  | Tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của huyện   | Phòng Văn hóa - Thông tin và Thể thao     | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 19  | Thường xuyên đăng tải, cập nhật và duy trì thông tin trên Cổng thông tin điện tử huyện (các văn bản, kế hoạch về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, các quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch...) | Phòng Văn hóa - Thông tin và Thể thao     | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 20  | Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan hành chính   | Phòng Văn hóa - Thông tin và Thể thao     | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 21  | Xây dựng Kế hoạch để hỗ trợ, phổ biến, giáo dục pháp luật  | Phòng Tư pháp                             | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 22  | Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, của huyện, xã đã ban hành; kịp thời phát hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hủy bỏ những văn bản có nội dung mâu thuẫn, không phù hợp                    | Phòng Tư pháp                             | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |
| 23  | Xây dựng Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2018   | Thanh tra huyện                           | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018         |         |
| 24  | Thông tin kịp thời về các văn bản pháp luật của Nhà nước và của tỉnh, của huyện về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh   | Đài Phát thanh - Truyền hình huyện        | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên         |         |

| S<br>TT | Nội dung công việc   | Đơn vị chủ trì<br>thực hiện                     | Đơn vị phối hợp<br>thực hiện               | Thời gian<br>hoàn thành | Ghi chú |
|---------|--|---|--|-------------------------|---------|
| 35      | Tăng cường phát các tin bài, thông tin về các Quy hoạch, chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện | Đài Phát thanh-Truyền hình huyện                | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Thường xuyên            |         |
| 36      | Thực hiện rút ngắn thời gian nộp thuế dưới 119 giờ/năm   | Chi cục Thuế huyện                              | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018            |         |
| 37      | Thực hiện rút ngắn thời gian giao dịch bảo hiểm xã hội xuống dưới 49 giờ   | Bảo hiểm Xã hội huyện                           | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Tháng 3/2018            |         |
| 38      | Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện   | Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa huyện Lâm Bình | Các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã | Hàng tháng              |         |

# MỘT SỐ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG, CỦA TỈNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH

## A. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG: 02

### I. ĐỀ ÁN " HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025"

1. **Văn bản pháp lý:** Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Hiệu lực: Ngày 18/05/2016.

#### 2. Đối tượng áp dụng:

- Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

+ Tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;

+ Có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

#### 3. Nội dung chính sách hỗ trợ:

3.1. Hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ hàng năm để tổ chức sự kiện Ngày hội khởi nghiệp công nghệ quốc gia (TECHFEST) với quy mô quốc tế.

Các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hỗ trợ kinh phí cho việc thuê địa điểm, gian hàng, trưng bày, vận chuyển trang thiết bị, truyền thông cho các sự kiện, cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thuộc các ngành, lĩnh vực, tại các địa phương, đơn vị cơ sở.

3.2. Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa

học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

**3.3. Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:**

a) Hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kinh phí tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

**3.4.** Hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến, tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam.

**3.5.** Hỗ trợ một phần kinh phí để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm của Việt Nam với khu vực và thế giới; kết nối và hỗ trợ một phần kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài.

## **II. TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị định số 32/NĐ-CP ngày 31/3/2017 của Chính phủ.  
Hiệu lực: Ngày 15/05/2017.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp tự chủ về tài chính và tổ chức kinh tế khác là chủ đầu tư dự án thuộc Danh mục vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước.

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện tín dụng đầu tư của Nhà nước.

### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

**3.1.** Mức vốn cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước tối đa đối với mỗi dự án bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án (không bao gồm vốn lưu động).

**3.2.** Tổng mức dư nợ cấp tín dụng của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (bao gồm cả tín dụng đầu tư của Nhà nước) tính trên vốn tự có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam không được vượt quá 15% đối với một khách hàng, không được vượt quá 25% đối với một khách hàng và người có liên quan, trừ trường hợp các dự án đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**3.3.** Ngân hàng Phát triển Việt Nam quyết định mức vốn cho vay đối với từng dự án đầu tư trên cơ sở kết quả thẩm định dự án và đảm bảo giới hạn tín dụng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**3.4.** Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của dự án nhưng không quá 12 năm. Riêng các dự án đầu tư thuộc nhóm A thời hạn cho vay vốn tối đa là 15 năm.

## **B. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH: 09**

### **I. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP, DOANH NHÂN ĐẦU TƯ NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ, XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/01/2014.

#### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại Tuyên Quang.
- Doanh nhân là người Việt Nam hoạt động tại tỉnh Tuyên Quang.
- Cá nhân có các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tuyên Quang.
- Ưu tiên hỗ trợ cho doanh nhân trong cùng một nội dung hỗ trợ; trường hợp đã hỗ trợ cho doanh nhân thì không hỗ trợ cho doanh nghiệp (nếu doanh nhân đó là đối tượng quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản 17 Điều 4, Luật Doanh nghiệp). Doanh nghiệp, doanh nhân được hỗ trợ 01 lần cho 01 nội dung trong năm, trường hợp cùng nội dung đủ điều kiện được nhận nhiều mức hỗ trợ, doanh nghiệp, doanh nhân được lựa chọn mức hỗ trợ cao nhất.
- Không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nhân là người nước ngoài.

#### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

##### **3.1. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn lực, tư vấn và cung cấp thông tin, đào tạo gồm:**

- Tiếp cận, tham gia các Chương trình, dự án của các tổ chức trong và ngoài nước; tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi trong và ngoài nước; giới thiệu tổ chức tư vấn, nhà cung cấp, chuyên gia, tư vấn lựa chọn công nghệ; giới thiệu các công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu để các doanh nghiệp, doanh nhân lựa chọn các giải pháp công nghệ; thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu; xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật ở các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân các nội dung: Văn bản quy phạm pháp luật; kỹ năng lựa chọn, đàm phán, xây dựng và ký kết hợp đồng; kỹ năng quản trị doanh nghiệp, quản trị dự án, tài chính, nhân sự; quản lý sản xuất.

### 3.2. Hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Ưu tiên cho doanh nghiệp, doanh nhân thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan khoa học thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp tỉnh thiết thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

- Hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí chi cho việc thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nhân.

### 3.3. Hỗ trợ đổi mới công nghệ

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí đổi mới công nghệ thông qua hợp đồng (giá trị trên 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 500 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị trên 2 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng hỗ trợ đến 15%, tối đa không quá 300 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 300 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hỗ trợ đến 20%), tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp).

- Hỗ trợ đến 40% chi phí cho nghiên cứu, thiết kế mô phỏng các thiết bị công nghệ theo công nghệ nhận chuyển giao phục vụ đổi mới công nghệ (tối đa 1 công nghệ/1 tổ chức, cá nhân và không quá 50 triệu đồng/công nghệ).

- Hỗ trợ đến 20% kinh phí dự án đổi mới một phần, cải tiến công nghệ, áp dụng sáng chế, giải pháp hữu ích (giá trị trên 1 tỷ đồng trở lên hỗ trợ đến 10%, tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hỗ trợ đến 15% giá trị dự án, tối đa không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp; giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng hỗ trợ đến 20% giá trị dự án, tối đa không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp).

- Hỗ trợ đến 50% kinh phí xây dựng các mô hình ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn (tối đa 1 mô hình/1 tổ chức, cá nhân, không quá 70 triệu đồng/mô hình).

- Chuyển giao không thu phí các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án sử dụng ngân sách của tỉnh cho các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ.

- Hỗ trợ đến 70% kinh phí đánh giá công nghệ, thẩm định và đánh giá công nghệ chuyển giao (tối đa không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp/năm).

### 3.4. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong nước (10 triệu đồng để đăng ký bảo hộ sáng chế hoặc giải pháp hữu ích; 3 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp, tối đa 03 kiểu dáng công nghiệp/1 doanh nghiệp/năm; 2 triệu đồng/nhãn hiệu, tối đa 05 nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ/1 doanh nghiệp/năm).

- Xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài: Hỗ trợ 100% lệ phí quốc gia đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa hoặc kiểu dáng công nghiệp (lệ phí đăng ký và lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo hộ) tại nước chỉ định đăng ký (tối đa không quá 15 triệu đồng/doanh nghiệp/năm và 2 đối tượng/quốc gia).

3.5. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, gồm: Hỗ trợ xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, HACCP và các tiêu



chuẩn khác; xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở; hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp; đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.

- Hỗ trợ 10 triệu đồng/doanh nghiệp kinh phí xây dựng, đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 2700, HACCP và các tiêu chuẩn khác.

- Hỗ trợ 2 triệu đồng/doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

- Hỗ trợ 5 triệu đồng/doanh nghiệp xây dựng hệ thống chỉ tiêu đo lường năng suất của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ 5 triệu đồng/sản phẩm để đánh giá chứng nhận, công bố hợp chuẩn và đánh giá chứng nhận, công bố hợp quy đối với sản phẩm xuất khẩu. Hỗ trợ không quá 2 sản phẩm/năm cho một doanh nghiệp.

## II. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN QUANG

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/8/2014.

**2. Đối tượng áp dụng:** Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định hiện hành (sau đây gọi chung là chủ trang trại).

### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

#### **3.1. Chính sách về khuyến nông; khoa học kỹ thuật**

a) Hàng năm, chủ trang trại được ưu tiên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh do các cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức; kinh phí do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

b) Các trang trại được ưu tiên thực hiện các đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các mô hình trình diễn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất; kinh doanh của trang trại.

#### **3.2. Chính sách về tín dụng**

Chủ trang trại được nhà nước hỗ trợ lãi suất 01 lần (50% lãi suất tiền vay) với mức vay tối đa 500 triệu đồng/trang trại để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.

#### **3.3. Chính sách về lao động, đào tạo**

a) Chủ trang trại được hỗ trợ kinh phí tham gia các chương trình đào tạo nghề tại địa phương.

b) Đối với lao động làm việc tại các trang trại chưa được đào tạo nghề phù hợp với việc làm được hỗ trợ kinh phí tham gia đào tạo, tập huấn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **3.4. Chính sách về thị trường**

a) Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm.

b) Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

c) Hỗ trợ kinh phí tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

**3.5.** Ngoài những chính sách được thực hiện theo Nghị quyết này, chủ trang trại còn được hưởng các chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước, (Xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm, Xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP).

### **III. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT HÀNG HÓA ĐỐI VỚI MỘT SỐ CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN QUANG**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/8/2014.

**2. Đối tượng áp dụng:** Hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi chung là hộ gia đình); doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi là tổ chức) tổ chức sản xuất hàng hóa một số loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế (Cây chè đặc sản (*Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên*), Cây mía, Cây cam sành, Trâu sinh sản, trâu đực giống, Cá đặc sản (*cá Chiên, cá Lăng Chám, cá Bống, cá Dâm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tầm*))

#### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

##### **3.1. Chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn (hỗ trợ lãi suất 01 lần)**

- a) Cây chè đặc sản: Đầu tư trồng mới, đầu tư chăm sóc, đầu tư chế biến sản phẩm.
- b) Cây mía: Đầu tư trồng mới.
- c) Cây cam sành: Đầu tư xây dựng vườn ươm sản xuất giống; đầu tư xây dựng kho lạnh bảo quản cam quả; đầu tư trồng mới, trồng lại; đầu tư chăm sóc.
- d) Con trâu: Đầu tư nuôi trâu sinh sản; đầu tư nuôi trâu đực giống.
- đ) Con cá: Đầu tư nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; đầu tư nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP.

##### **3.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư**

- a) Cây chè đặc sản: Hỗ trợ bình tuyến cây đầu dòng; hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- b) Cây cam sành: Hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- c) Con cá nuôi tại ao, hồ nhỏ: Hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.
- d) Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

#### IV. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/8/2014.

##### **2. Đối tượng áp dụng:**

- Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở tiểu thủ công nghiệp).

- Tổ chức cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

- Các làng nghề được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định.

- Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp nằm trong làng nghề áp dụng sản xuất sạch hơn.”

##### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

###### **3.1. Ngành nghề được hưởng chính sách**

- Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, chế biến thực phẩm.

- Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, dệt, may, thêu, giày, dép, hàng thủ công mỹ nghệ, cơ khí nhỏ.

- Sản xuất sản phẩm phục vụ nông nghiệp nông thôn gồm: Hóa chất, phụ tùng, lắp ráp gia công máy cơ khí nông nghiệp.

- Các lĩnh vực ngành nghề khác phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh và được khuyến khích theo quy định của UBND tỉnh.”

###### **3.2. Nội dung, mức hỗ trợ khuyến khích**

3.2.1. Chi hỗ trợ tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở tiểu thủ công nghiệp (*Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh*) tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Nghiên cứu hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập cơ sở tiểu thủ công nghiệp và chi phí liên quan đến thành lập cơ sở tiểu thủ công nghiệp, cụ thể:

- Cơ sở tiểu thủ công nghiệp được thành lập tại địa bàn huyện Na Hang, Chiêm Hoá, Lâm Bình mức hỗ trợ 05 (năm) triệu đồng/Hợp tác xã, tổ hợp tác; 03 (ba) triệu đồng/hộ kinh doanh.

- Cơ sở tiểu thủ công nghiệp được thành lập tại địa bàn huyện Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang mức hỗ trợ 03 (ba) triệu đồng/Hợp tác xã, 01 (một) triệu đồng/hộ kinh doanh.

3.2.2. Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp thuộc ngành nghề nêu tại Mục II Quy định này có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn lập thủ tục hồ sơ xin giao đất, mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/cơ sở.

###### **3.3. Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển làng nghề**

a) Tổ chức, cá nhân có công khôi phục nghề, giữ nghề, du nhập nghề mới từ ngoài tỉnh về tạo thành làng nghề có quy mô sử dụng từ 100 lao động trở lên, thời gian hoạt động ổn định từ 2 năm trở lên, được tôn vinh, khen thưởng theo quy định hiện hành của pháp luật và được thưởng 50 triệu đồng/làng nghề.

b) Chi hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nằm trong làng nghề có sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường, áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

c) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề đầu tư mở rộng, đầu tư mới có sử dụng lao động phải đào tạo, được UBND tỉnh xem xét hỗ trợ một lần kinh phí đào tạo cho số lao động mới. Hỗ trợ trực tiếp chi phí đào tạo theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Miễn chi phí quảng bá sản phẩm trên Website của tỉnh, Sở Công Thương và sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang.

đ) Các xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn làng nghề, xã nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bằng công nhận và thưởng 10 triệu đồng cho làng nghề, 30 triệu đồng cho xã nghề.”

## **V. CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/01/2016.

**2. Đối tượng áp dụng:** Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

#### **3.1. Hỗ trợ trồng mới, trồng lại cây chè**

a) Doanh nghiệp chế biến chè có dự án trồng mới, trồng lại cây chè sử dụng giống mới, năng suất, chất lượng cao (trừ cây chè đặc sản): Hỗ trợ một lần 25 triệu đồng/ha (hỗ trợ giống và kỹ thuật thâm canh).

b) Điều kiện hỗ trợ: Doanh nghiệp có hợp đồng liên doanh, liên kết với các hộ dân có đất trồng chè hoặc đang trồng chè nhưng năng suất thấp dưới 7 tấn/ha, diện tích liên vùng liên khoảnh, quy mô tối thiểu 30 ha/dự án. Khuyến khích trồng chè theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, sử dụng giống mới, năng suất, chất lượng cao.

#### **3.2. Hỗ trợ chăn nuôi gia súc tập trung**

a) Dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc (trâu, bò thịt, lợn thịt) tập trung được ngân sách hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ một lần 50% chi phí nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án chăn nuôi trâu, bò thịt để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng trại, trồng cỏ và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

- Hỗ trợ một lần 50% chi phí nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án chăn nuôi lợn thịt để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, chuồng trại, trồng cỏ và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Quy mô chăn nuôi gia súc tập trung thường xuyên tối thiểu 150 con đối với trâu, bò thịt; 500 con đối với lợn thịt.

### 3.3. Hỗ trợ cơ sở chế biến cam

a) Dự án đầu tư cơ sở chế biến cam được ngân sách hỗ trợ một lần 50% chi phí nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cơ sở chế biến có công suất tối thiểu 3.000 tấn sản phẩm/năm (sản phẩm là nước cam ép, nước cam đóng chai, cam cô đặc).

- Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 2 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

### 3.4. Hỗ trợ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

a) Dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được ngân sách hỗ trợ một lần 50% chi phí nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua sắm thiết bị trong hàng rào dự án.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Cơ sở giết mổ công suất tối thiểu như sau:

+ Cơ sở giết mổ gia súc công suất tối thiểu 150 con/ngày đêm.

+ Cơ sở giết mổ gia cầm công suất tối thiểu 1.500 con/ngày đêm.

+ Cơ sở giết mổ cả gia súc và gia cầm công suất tối thiểu 75 con gia súc và 750 con gia cầm/ngày đêm.

### 3.5. Cơ chế, nguồn vốn hỗ trợ đầu tư

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư, khi dự án đầu tư hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng được giải ngân 100% mức vốn hỗ trợ.

b) Hình thức thực hiện hỗ trợ: Doanh nghiệp tự phê duyệt thiết kế và dự toán theo quy định hiện hành; tự phân chia hạng mục đầu tư, gói thầu; tự tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp được thanh toán theo mức hỗ trợ quy định tại Phụ lục I

ban hành kèm Thông tư số 05/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

## **VI. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYẾN QUANG**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/8/2016.

**2. Đối tượng áp dụng:** Các Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là Hợp tác xã nông nghiệp) đã được đăng ký và hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã hiện hành, đầu tư sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp, thủy sản theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm theo quy định của pháp luật.

### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

#### **3.1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay**

- Điều kiện được hỗ trợ: Hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện: có phương án, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh hàng hóa nông, lâm nghiệp, thủy sản; có hợp đồng vay vốn với các tổ chức tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Mức hỗ trợ: Mỗi Hợp tác xã nông nghiệp được hỗ trợ lãi suất 01 lần vốn vay để thực hiện dự án đầu tư sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

a) Đối với dự án đầu tư vào sản xuất hàng hóa.

- Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay theo hợp đồng vay vốn giữa Hợp tác xã với tổ chức tín dụng cho vay vốn.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế nhưng tối đa là 5.000 triệu đồng/dự án.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất vốn vay: không quá 18 tháng đối với dự án đầu tư sản xuất hàng hóa thuộc nhóm cây trồng hàng năm, chăn nuôi lợn, gia cầm và thủy sản; không quá 36 tháng đối với dự án sản xuất hàng hóa thuộc nhóm cây trồng lâu năm, lâm nghiệp, chăn nuôi trâu, bò.

b) Đối với dự án đầu tư máy, thiết bị, dây chuyền sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản sau thu hoạch và dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Hỗ trợ 80% lãi suất tiền vay theo hợp đồng vay vốn giữa Hợp tác xã với tổ chức tín dụng cho vay vốn.

- Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế nhưng tối đa là 5.000 triệu đồng/dự án.

- Thời gian hỗ trợ lãi suất vốn vay không quá 36 tháng.

#### **3.2. Hỗ trợ xây dựng, cấp giấy chứng nhận sản xuất an toàn áp dụng theo tiêu chuẩn**

a, Điều kiện được hỗ trợ: Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận sản xuất an toàn phù hợp với quy trình của Việt Nam hoặc quốc tế do một tổ chức chứng nhận phù hợp cấp.

a, Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần 80% chi phí thực tế đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất an toàn phù hợp với quy trình của Việt Nam hoặc Quốc tế do một tổ chức chứng nhận phù hợp cấp theo quy định, cụ thể:

- Theo tiêu chuẩn trong nước (giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, giấy xác nhận sản phẩm an toàn, giấy xác nhận công bố phù hợp quy định về an toàn thực phẩm và tương đương): Mức hỗ trợ tối đa là 100 triệu đồng/Hợp tác xã.

- Theo tiêu chuẩn quốc tế (giấy chứng nhận GAP, Organic, Rainforest, Global GAP, UTZ và tương đương của một tổ chức chứng nhận phù hợp cấp theo quy định): Mức hỗ trợ tối đa 600 triệu đồng/Hợp tác xã.

### 3.3. Hỗ trợ kinh phí xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường

- Điều kiện được hỗ trợ: HTX có sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, đã hoàn thành thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường.

- Mức hỗ trợ

+ Hỗ trợ chi phí thực tế thực hiện các hoạt động quảng bá hình ảnh thương hiệu sản phẩm 01 lần/năm/Hợp tác xã trong 03 năm. Mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/lần/năm/Hợp tác xã.

+ Hỗ trợ 01 lần chi phí thực tế tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ở ngoài tỉnh (chi phí học tập kinh nghiệm, tìm kiếm đối tác, khảo sát thị trường): Các tỉnh miền Bắc mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/Hợp tác xã; các tỉnh miền Trung mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/Hợp tác xã; các tỉnh miền Nam mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/Hợp tác xã.

+ Hỗ trợ 01 lần chi phí thực tế thực hiện việc xúc tiến thương mại để xuất khẩu sản phẩm khi Hợp tác xã xuất khẩu nông sản lần đầu, mức hỗ trợ tối đa là 100 triệu đồng/Hợp tác xã.

### 3.4. Hỗ trợ HTX thành lập mới

- Điều kiện được hưởng chính sách: Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, có hoạt động sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ thành lập mới Hợp tác xã, mức hỗ trợ 40 triệu đồng/hợp tác xã để mua trang thiết bị Văn phòng.

## VII. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG, GIAI ĐOẠN 2018 - 2021

1. Văn bản pháp lý: Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 01/01/2018.

2. Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân trồng rừng trên đất quy hoạch là rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### 3. Nội dung chính sách hỗ trợ:

**3.1. Loài cây được hỗ trợ:** Cây Keo lai được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô và cây Keo Tai tượng được gieo ươm từ hạt giống nhập ngoại đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định để trồng rừng sản xuất.

**3.2. Hình thức và mức hỗ trợ**

- **Hình thức:** Hỗ trợ 01 lần bằng cây giống, chi phí vận chuyển cây giống, chi phí thiết kế, chi phí quản lý dự án cho các hộ gia đình, cá nhân thông qua các Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp cơ sở.

- **Mức hỗ trợ:**

a) Hỗ trợ một lần số lượng cây giống để trồng rừng theo mật độ quy định:

+ Đối với cây Keo lai mô: Hỗ trợ 1.460 cây/ha;

+ Đối với cây Keo tai tượng hạt nhập ngoại: Hỗ trợ 1.826 cây/ha.

b) Hỗ trợ chi phí vận chuyển cây giống đến trung tâm xã theo đơn giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

c) Hỗ trợ một lần chi phí khảo sát, xác định vị trí, diện tích, ký kết hợp đồng trồng rừng: 50.000 đồng/ha và 10% chi phí quản lý trực tiếp.

## VIII. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHĂN NUÔI NÔNG HỘ GIAI ĐOẠN 2015-2020, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG GIAI ĐOẠN 2017-2020

**1. Văn bản pháp lý:** Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 20/4/2017.

**2. Đối tượng áp dụng:**

- Hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho lợn (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con lợn nái).

- Hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho trâu, bò (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản).

- Hộ chăn nuôi mua lợn, bò, trâu đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị

- Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc

**3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

**3.1. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho lợn (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con lợn nái).**

a) Loại tinh: Bao gồm tinh lợn đực giống Móng cái và tinh lợn ngoại (Yorshire, Landrace, Duroc, Pidu, Pietrance và các giống được tạo ra từ tổ hợp lai của các giống lợn ngoại), có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh nhưng không quá 02 liều tinh cho một lần phối giống và không quá 05 liều tinh cho một lợn nái/năm.



c) Đơn giá liệu tinh: Theo hóa đơn thực tế, nhưng không quá 50.000 đồng/liều tinh có thể tích 30 ml để phối giống cho lợn nái nội; không quá 70.000 đồng/liều tinh có thể tích 50 ml để phối giống cho lợn nái lai; không quá 100.000 đồng/liều tinh có thể tích 80 ml để phối giống cho lợn nái ngoại.

**3.2. Hỗ trợ hộ chăn nuôi phối giống nhân tạo hàng năm cho trâu, bò (Áp dụng đối với các hộ chăn nuôi dưới hoặc 10 con trâu, bò sinh sản).**

### 3.2.1. Hỗ trợ về liệu tinh

a) Loại tinh: Các loại tinh trâu, bò (tinh cọng rạ) được sản xuất, nhập khẩu bởi các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nằm trong danh mục quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí về liệu tinh nhưng không quá 02 liều tinh/01 bò cái phối/năm; không quá 04 liều tinh/01 trâu cái phối/năm.

c) Đơn giá liệu tinh: Phối giống cho trâu không quá 200.000 đồng/liều tinh; phối giống cho bò không quá 150.000 đồng/liều tinh.

### 3.2.2. Hỗ trợ về vật tư

a) Loại vật tư hỗ trợ: Bình bảo quản tinh loại từ 35- 47 lít tại các điểm trung chuyển, Ni tơ lỏng, súng bắn tinh, găng tay, ống gen.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí mua vật tư phục vụ công tác phối giống cho trâu, bò gồm: Ni tơ lỏng dùng để vận chuyển tinh đi phối giống không quá 1,5 lít/01 bò cái chữa; 3,0 lít/01 trâu cái chữa. Bình bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển không quá 03 bình/điểm trung chuyển. Ni tơ lỏng dùng để bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển theo thực tế sử dụng, nhưng không quá 540lít/điểm trung chuyển/năm. Súng bắn tinh 01cái/01 dân tinh viên, thời gian sử dụng 5 năm. Găng tay, ống gen phù hợp theo số liệu tinh sử dụng, mỗi liều tinh tương ứng với 01 đôi găng tay và 01 ống gen.

c) Đơn giá hỗ trợ: Hỗ trợ theo hóa đơn thực tế, nhưng bình bảo quản tinh tại các điểm trung chuyển không quá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)/cái. Nitơ lỏng không quá 30.000 đồng/lít, súng bắn tinh không quá 800.000 đồng/cái, găng tay không quá 5.000 đồng/đôi, ống gen không quá 5.000 đồng/chiếc.

**3.3. Hỗ trợ hộ chăn nuôi mua lợn, bò, trâu đực giống và gà, vịt giống bố mẹ hậu bị**

**3.3.1. Hỗ trợ mua lợn, bò, trâu đực giống (Áp dụng cho các hộ chăn nuôi ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn)**

a) Loại giống: Trâu đực giống là giống trâu Việt Nam, trâu lai, trâu ngoại; Bò đực giống là các giống bò ngoại thuần, bò lai thuộc dòng Zebu; Lợn đực giống là các giống lợn ngoại có phẩm cấp giống từ cấp bố mẹ trở lên (*Yorshire, Landrace, Duroc, Pietrance, Pidu và các giống được tạo ra từ tổ hợp lai của các giống lợn ngoại*).

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị con giống, nhưng không quá 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*)/1 con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi đến 48 tháng tuổi; không quá 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*)/1 con đối với bò đực giống từ 12 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi; không quá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/1 con đối với lợn đực giống từ 06 tháng tuổi đến 15 tháng tuổi.

c) Số lượng: Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua 01 con trâu đực giống hoặc 01 con bò đực giống hoặc 03 con lợn đực giống.

3.3.2. Hỗ trợ mua gà, vịt giống bố mẹ hậu bị (Áp dụng cho các hộ chăn nuôi gắn với ấp nở con giống)

a) Loại giống: Là giống nội, ngoại và các giống lai có trong danh mục được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép sản xuất, kinh doanh.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 50% giá trị gà, vịt giống bố mẹ hậu bị từ 8 tuần đến 20 tuần tuổi. Mức hỗ trợ bình quân đối với gà, vịt giống không quá 50.000 đồng (năm mươi ngàn đồng)/1 con.

c) Số lượng: Mỗi hộ được hỗ trợ mua không quá 200 con gà hoặc 200 con vịt giống.

3.3.3. Nguyên tắc hỗ trợ: Mỗi hộ chỉ được hỗ trợ mua một trong các đối tượng: Hoặc lợn đực giống, hoặc trâu đực giống, hoặc bò đực giống, hoặc gà giống, hoặc vịt giống.

**3.4. Hỗ trợ khuyến khích phát triển phối giống nhân tạo gia súc**

3.4.1. Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật phối giống nhân tạo cho trâu, bò

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đào tạo, tập huấn nhưng không quá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng)/1 người cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo trâu, bò.

b) Số lượng người tham gia đào tạo: Các huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Chiêm Hóa tối đa không quá 07 người/huyện; các huyện Hàm Yên, Na Hang, Lâm Bình tối đa không quá 05 người/huyện; thành phố Tuyên Quang không quá 03 người.

3.4.2. Hỗ trợ kỹ thuật phối giống nhân tạo cho lợn

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí tập huấn nhưng không quá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/1 lớp cho hộ chăn nuôi lợn nái về kỹ thuật phối giống nhân tạo cho lợn.

b) Số lượng người tham gia đào tạo: 01lớp/01 xã, phường, thị trấn và mỗi lớp không quá 40 người.

3.4.3. Hỗ trợ về vật tư phục vụ cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho trâu, bò.

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần 100% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo cho trâu, bò.

b) Loại bình: Từ 1,0 đến 3,7 lít.

c) Đơn giá: Theo hóa đơn thực tế nhưng không quá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/01 bình/01 người.

## **IX. CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN TƯỚI TIỀN TIẾN, TIẾT KIEM NƯỚC CHO CÂY TRỒNG CẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

**1. Văn bản pháp lý:** Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của hội đồng nhân dân tỉnh. Hiệu lực: Ngày 10/8/2017.

**2. Đối tượng áp dụng:** Tổ chức có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật, cá nhân thực hiện vay vốn theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp để đầu tư hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực tập trung của tỉnh, gồm: Cây cam, cây chè, cây mía thuộc vùng quy hoạch cây trồng cạn chủ lực của tỉnh hoặc theo các đề án, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt

### **3. Nội dung chính sách hỗ trợ:**

**3.1.** Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước được hưởng hỗ trợ lãi suất vốn vay là nhóm danh mục chủng loại máy, thiết bị theo Thông tư số 08/2014/TT-BNNPTNT ngày 20/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

### **3.2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ lãi suất vốn vay**

Ngoài các điều kiện cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, tổ chức, cá nhân được hưởng hỗ trợ lãi suất vốn vay bổ sung theo chính sách này khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Mỗi tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất tập trung cây trồng cạn chủ lực (cam, chè, mía) có quy mô diện tích: Đối với cây cam, cây chè từ 1,0 ha trở lên; đối với cây mía từ 3,0 ha trở lên;

b) Có nguồn nước chủ động đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước (nguồn từ ao, hồ, đập thủy lợi, kênh mương, sông, suối, giếng khoan...); có phương án áp dụng công nghệ tưới đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và khái toán kinh phí đầu tư.

### **3.3. Mức hỗ trợ lãi suất và thời gian hỗ trợ lãi suất vốn vay**

Ngoài mức hỗ trợ và thời gian được hưởng hỗ trợ lãi suất vốn vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg (hỗ trợ 100% lãi suất trong 02 năm đầu, hỗ trợ 50% lãi suất trong năm thứ 3), tổ chức, cá nhân được hỗ trợ thêm lãi suất vốn vay như sau:

a) Thời gian được hỗ trợ thêm lãi suất vốn vay: Tối đa không quá 36 tháng (03 năm), tính từ năm thứ 3.

b) Mức hỗ trợ thêm lãi suất vốn vay: Hỗ trợ 50% lãi suất trong năm thứ 3, năm thứ 4 và năm thứ 5.

